BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8313 /BTC-CST V/v Triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 2041
ĐẾN Ngày: 24.6.16
Chuyển: ...
HỎA-TỐC

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015. Để triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã có Công văn số 1553/BTC-CST ngày 28/01/2016 gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thi hành Luật phí và lệ phí, trong đó đề nghị các Bộ, ngành, địa phương:

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí đang thu theo Danh mục kèm theo Pháp lệnh phí và lệ phí.

- Thực hiện phân loại tổ chức thu phí, lệ phí để xác định cơ chế quản lý sử dụng theo quy định của Luật phí và lệ phí.

- Trên cơ sở rà soát, phân loại, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổng hợp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 29/2/2016; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí, bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật phí và lệ phí.

Đến nay, Bộ Tài chính mới nhận được Công văn của 12 Bộ gửi kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí (Danh sách kèm theo).

2. Ngày 10/5/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg về việc triển khai thi hành Luật phí và lệ phí. Trong đó giao: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động chỉ đạo xây dựng Đề án thu phí, lệ phí và đề xuất các nội dung quy định về phí, lệ phí đối với lĩnh vực Bộ, ngành mình phụ trách gửi Bộ Tài chính trước ngày 30/6/2016; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí mới để thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 1553/BTC-CST nêu trên, Bộ Tài chính đề nghị:

a) Đối với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chưa gửi kết quả rà soát các văn bản quy định về phí, lệ phí gồm: Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Văn phòng Chính phủ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây gọi chung là các Bộ), đề nghị các Bộ khẩn trương rà soát và chủ động phân loại tổ chức thu phí, lệ phí để xác định cơ chế quản lý sử dụng theo quy định của Luật phí và lệ phí; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn của Bộ mình xây dựng Đề án thu phí, lệ phí gửi Bộ Tài chính trước ngày 30/6/2016 để Bộ Tài chính làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền.

b) Đối với các Bộ đã gửi kết quả rà soát các văn bản quy định về phí, lệ phí, đề nghị các Bộ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn của Bộ mình xây dựng Đề án thu phí, lệ phí gửi Bộ Tài chính trước ngày 30/6/2016.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật phí, lệ phí và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

d) Tại khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định *"Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực"*. Theo đó, kể từ 01 tháng 01 năm 2017 các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định về phí và lệ phí sẽ hết hiệu lực do Pháp lệnh Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Pháp lệnh hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật phí và lệ phí, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật quy định về phí, lệ phí phải được ban hành trước ngày 01/11/2016 để bảo đảm có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị:

- Các Bộ khẩn trương rà soát, xây dựng Đề án thu phí, lệ phí và phối hợp với Bộ Tài chính để Bộ Tài chính rà soát, thẩm định, gửi xin ý kiến, tổng hợp hoàn chỉnh theo quy trình và ký ban hành các văn bản quy định về phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, trước ngày 01/11/2016;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình HĐND cùng cấp ban hành các văn bản quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Phí và lệ phí, trước ngày 01/11/2016.

3. Ngoài các nội dung trên, một số điểm cần lưu ý thêm trong quá trình

triển khai thực hiện Luật phí và lệ phí, cụ thể như sau:

a) Về phí: Tại khoản 1 và khoản 3 Điều 12 Luật phí và lệ phí quy định:

"1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

b) Về lệ phí: Tại Điều 13 Luật phí và lệ phí quy định:

"1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật".

Căn cứ các quy định nêu trên, kể từ ngày 01/01/2017 số phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước; số lệ phí thu được phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Theo đó, các văn bản quy định tỷ lệ để lại một phần số phí, lệ phí thu được mà không còn phù hợp với Luật phí và lệ phí phải được sửa đổi hoặc thay thế. Vì vậy, đối với trường hợp tổ chức thu phí, lệ phí phải nộp toàn bộ số tiền thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí, tổ chức thu cần căn cứ vào dự kiến số thu phí, lệ phí trong năm, xây dựng dự toán chi phí cần thiết cho việc thu phí, lệ phí để tổng hợp vào dự toán năm 2017 của Bộ, ngành, địa phương (trong tháng 7 - 8/2016) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; tránh trường hợp phải điều chỉnh dự toán sau khi cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt, sẽ phức tạp và không có nguồn kinh phí kịp thời cho hoạt động của đơn vị thu phí, lệ phí.

c) Về các khoản phí chuyển sang giá dịch vụ

Đối với các khoản phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí kèm theo Pháp lệnh phí và lệ phí, nay theo quy định tại Điều 24 Luật phí và lệ phí chuyển sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá thì từ ngày 01/01/2017 sẽ không thu theo quy định của pháp luật về phí, mà được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Hiện nay, thực hiện chương trình xây dựng các đề án trình Chính phủ, Bộ Tài chính đang khẩn trương phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, trong đó có quy định về thẩm quyền và hình thức định giá đối với 17 sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ

do Nhà nước định giá theo quy định tại Điều 24 của Luật phí và lệ phí. Dự kiến Bộ Tài chính trình Chính phủ trong tháng 6/2016 và có hiệu lực thi hành cùng thời điểm hiệu lực thi hành của Luật phí và lệ phí là từ 01/01/2017.

Sau khi Nghị định trên được ban hành, đề nghị:

- Các Bộ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn lập phương án giá gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, trình Bộ mình ban hành quyết định giá đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc thẩm quyền; đối với các loại phí chuyển sang giá thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính, đề nghị các Bộ đề xuất phương án giá gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính thẩm định, ban hành theo thẩm quyền; đảm bảo có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2017, phù hợp với quy định của Luật giá, Luật phí và lệ phí.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các đơn vị chuyên môn lập phương án giá gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giá đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc thẩm quyền, đảm bảo có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2017, phù hợp với quy định của Luật giá, Luật phí và lệ phí.

4. Hiện nay, Bộ Tài chính đang trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính gửi kèm công văn này Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định để các cơ quan, đơn vị được biết và có sơ sở triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của các cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Vụ: PC, HCSN; NSNN; Cục QLG;
- Cục Tin học thống kê (để đăng website BTC);
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5). (146)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/TTr-BTC	*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2016*

TỜ TRÌNH
Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

HỎA-TỐC

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân thông qua Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Trang thông tin điện tử của Chính phủ. Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc Hội thảo tại thành phố Hồ Chí Minh để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan địa phương. Thay mặt Ban soạn thảo, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Triển khai thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 và Nghị định số 115/2011/NĐ-CP ngày 14/12/2011 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2002/NĐ-CP). Qua 13 năm triển khai thực hiện, cơ bản đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, cụ thể là: Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí; cơ chế quản lý phí, lệ phí được đổi mới theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công để phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Trong đó, có nhiều quy định mới so với quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí hiện hành. Tại Điều 25 Luật phí và lệ phí quy định: *Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.* Do đó, cần xây dựng và ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm

- Cụ thể hóa Luật phí và lệ phí, phù hợp chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn thu từ phí, lệ phí; tăng cường quản lý nhà nước và kỷ luật, kỷ cương tài chính;

- Kế thừa mặt tích cực của các quy định còn phù hợp, đồng thời khắc phục triệt để những mặt hạn chế, tồn tại của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP.

2. Mục tiêu

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan;

- Đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ công, phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Đảm bảo chính sách phí, lệ phí công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

A. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 3 Chương, 8 Điều, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung *(Điều 1 và Điều 2).*

- Chương II: Kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí *(từ Điều 3 đến Điều 5).*

- Chương III: Điều khoản thi hành *(từ Điều 6 đến Điều 8).*

B. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Tại Điều 25 Luật phí và lệ phí quy định: *Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.* Tại Luật có 05 Điều liên quan đến Chính phủ, trong đó:

- Điều 10 quy định về miễn giảm phí, lệ phí: *3. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.* Điều này liên quan đến 07 khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ được quy định trong Danh mục phí, lệ phí kèm theo Luật. Việc miễn, giảm các khoản phí, lệ phí này sẽ được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định về từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Chính phủ.

- Điều 24 quy định về chuyển tiếp: *Chính phủ quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền quy định giá và hình thức định giá.* Năm 2016, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 11/4/2013

quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Theo đó, sẽ quy định về các khoản phí chuyển sang giá tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí.

- Có 03 Điều sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật gồm: Điều 11 về kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí; Điều 12 về thu, nộp quản lý và sử dụng phí và Điều 18 về Trách nhiệm và thẩm quyền của Chính phủ. Vì vậy, tại Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: *Nghị định này quy định về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; quyết toán phí, lệ phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.*

2. Về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí (Điều 3)

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định như sau:

2. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh.

3. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí cho cơ quan thu hoặc Kho bạc nhà nước bằng các hình thức: nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thông qua tổ chức tín dụng, tổ chức dịch vụ và hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2.1. Về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

Theo quy định hiện hành, có 02 đối tượng thuộc diện phải thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí cụ thể như sau:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí với cơ quan thuế: Theo quy định tại Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế thì: (i) Tổ chức thu phí, lệ phí (tổ chức cung cấp dịch vụ) đều phải thực hiện kê khai với cơ quan thuế và nộp phí, lệ phí trực tiếp vào ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là NSNN); (ii) một số trường hợp cá biệt (như lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản) thì tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ (người nộp phí, lệ phí) phải thực hiện kê khai với cơ quan thuế và nộp tiền trực tiếp và NSNN.

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí với tổ chức thu phí, lệ phí: Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí cho tổ chức thu theo quy định pháp luật về phí, lệ phí (Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí), trừ trường hợp khai, nộp trực tiếp với cơ quan thuế tại điểm a nêu trên.

Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí gồm 319 khoản phí, lệ phí; giao thẩm quyền cho 04 cơ quan: Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh quy định cụ thể từng khoản phí, lệ phí. Mỗi khoản phí, lệ phí có tính chất khác nhau, quy trình khai, nộp

khác nhau (có khoản phí thực hiện nộp theo từng lần phát sinh; có khoản thực hiện khai, nộp theo tháng; có khoản khai, nộp theo quý) và tại các văn bản quy định từng khoản phí, lệ phí sẽ quy định cụ thể kỳ khai, nộp phù hợp với quy trình cung cấp dịch vụ.

Quy định hiện hành còn phù hợp, vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định cụ thể kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.*

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được như sau:

a) Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định pháp luật quản lý thuế.

b) Định kỳ hàng ngày; tuần hoặc tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào Tài khoản tiền phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước. Căn cứ số tiền phí thu được nhiều hay ít, nơi thu phí xa hay gần Kho bạc nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định định kỳ ngày; tuần hoặc tháng tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách.

Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại.

c) Ngoài các khoản phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp theo quy định nêu trên, khoản phí sử dụng đường bộ và phí, lệ phí do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu thực hiện khai, nộp riêng như sau:

- Theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ thì phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ (không nộp vào NSNN). Tại Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện quy định: Trung tâm đăng kiểm thực hiện thu phí. Phí thu được (sau khi trừ 01% tiền phí để lại cho cơ quan thu) nộp vào Tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ. Trung tâm đăng kiểm không phải thực hiện kê khai phí với cơ quan thuế.

- Phí, lệ phí lãnh sự do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu: Do phí, lệ phí thu tại nước ngoài và ở nhiều quốc gia khác nhau, đồng tiền thu phí, lệ phí khác nhau nên tại Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu phí, lệ phí lãnh sự áp dụng tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định: Bộ Ngoại giao thực hiện quản lý, kiểm tra, quyết toán thu chi phí, lệ phí lãnh sự của các cơ quan đại diện Việt Nam ở

nước ngoài; gửi Báo cáo tổng hợp thu phí, lệ phí lãnh sự cho Bộ Tài chính để thẩm định theo quy định (không phải thực hiện khai, nộp phí, lệ phí với cơ quan thuế).

Để phù hợp với thực tế thu, nộp đối với 02 trường hợp này, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Tổ chức thu phí sử dụng đường bộ; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, thu, nộp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.*

2.2. Về chứng từ thu phí, lệ phí

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật quản lý thuế và khoản 2 Điều 14 Luật phí và lệ phí thì tổ chức thu phải lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho người nộp; để đảm bảo đồng bộ, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.*

3. Về đồng tiền nộp phí, lệ phí

Tại khoản 4 Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định như sau: *Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.*

Hiện nay, các khoản phí, lệ phí có quy định thu bằng ngoại tệ gồm: phí, lệ phí thu tại nước ngoài (lệ phí cấp visa, lệ phí quốc tịch,...); phí, lệ phí thu tại cửa khẩu (như: phí, lệ phí thuộc lĩnh vực hàng hải; phí, lệ phí xuất nhập cảnh;...).

- Tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 02/12/2015 của Chính phủ quy định: *Trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép nộp thuế bằng đồng Việt Nam thì người nộp thuế và cơ quan thuế căn cứ số tiền Việt Nam đồng trên chứng từ nộp tiền vào NSNN và tỷ giá quy định tại khoản này để quy đổi số tiền bằng ngoại tệ để thanh toán cho nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ cụ thể như sau:*

Trường hợp nộp tiền tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm người nộp thuế nộp tiền vào NSNN.

- Tại khoản 3 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan, quy định: *Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày*

làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ.

Tại Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý các khoản thu NSNN qua Kho bạc nhà nước quy định: *Bộ Tài chính công bố tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng để làm cơ sở hạch toán các khoản thu NSNN qua Kho bạc nhà nước.*

Người nộp phí, lệ phí có thể nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc qua bưu điện. Để đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật quản lý thuế và tình hình thực tế, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

3. Đồng tiền thu nộp phí, lệ phí

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Trường hợp quy định thu bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng Việt Nam đồng trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau: (i) Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí; (ii) Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp tại Kho bạc nhà nước thì áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm nộp phí, lệ phí do Bộ Tài chính công bố; (iii) Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt hoặc theo hình thức khác cho tổ chức thu phí, lệ phí áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí hoặc cuối ngày làm việc liền trước ngày lễ, ngày nghỉ.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

4. Về nguyên tắc quản lý và sử dụng phí (Điều 4)

Điều 12 Luật phí và lệ phí quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí như sau:

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp NSNN.

2. Số tiền phí được khấu trừ và được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau:

a) Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại

phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mức để lại cho tổ chức thu phí;

b) Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hằng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp NSNN; việc quản lý và sử dụng phí thu được theo quy định của pháp luật.

Theo quy định nêu trên, các nội dung cần quy định chi tiết như sau:

4.1. Về cơ quan nhà nước được khoán chi

Hiện nay, cơ bản các cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, có một số cơ quan được Thủ tướng Chính phủ (TTCP) cho phép áp dụng cơ chế tự chủ tài chính riêng như: Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính); Cục Hàng không, Cục Hàng hải (Bộ Giao thông vận tải); Cục Tần số, Cục Viễn thông (Bộ Thông tin &Truyền thông); Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao);...

Theo quy định pháp luật phí hiện hành, cơ quan nhà nước thu phí được để lại 1 phần tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí.

Để đảm bảo đồng bộ với quy định về cơ chế tài chính của cơ quan hành chính và ổn định nguồn thu của các cơ quan này, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: *Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động là cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.*

4.2. Về quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

a) Theo quy định Pháp lệnh phí và lệ phí hiện hành cũng như quy định tại Luật phí và lệ phí: các khoản phí, lệ phí thuộc NSNN không chịu thuế. Tuy nhiên, có 02 trường hợp phí thuộc NSNN giao doanh nghiệp thu, cụ thể:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Công ty cung cấp nước sạch thu phí cùng với tiền sử dụng nước sinh hoạt và được để lại tối đa 10% tiền phí thu được (HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại cụ thể).

- Phí sử dụng đường bộ theo dầu phương tiện: Các Trung tâm Đăng kiểm thu phí được để lại 01% tiền phí thu được.

02 đơn vị này không phải là đơn vị cung cấp dịch vụ (xử lý nước thải, bảo trì đường bộ) mà chỉ thực hiện thu hộ Nhà nước và số tiền để lại cho đơn vị thu là khoản Nhà nước chi trả công thu. Vì vậy, pháp luật hiện hành quy định số tiền được để lại được hòa chung vào nguồn thu của doanh nghiệp. Sau khi trừ chi phí hoạt động, phát sinh thu nhập chịu thuế, doanh nghiệp thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định.

b) Về phí sử dụng đường bộ: Theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP thì phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thu được nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ. Tại Thông tư số 133/2014/TT-BTC quy định: Trung tâm Đăng kiểm thu phí được để lại 01% chi tổ chức thu, phần còn lại nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ trung ương *(không nộp NSNN).*

Đây là trường hợp đặc thù, vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: *3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại nộp NSNN, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.*

5. Về nguyên tắc xác định và quản lý, sử dụng phí (Điều 5)

Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí; các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tài chính của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và đặc điểm của hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại Điều 5 dự thảo Nghị định như sau:

1. Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại.

b) Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Trong đó:

(i) Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

(i) Dự toán cả năm về phí thu được do tổ chức thu thực hiện được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

(iii)Trường hợp điều chỉnh mức tỷ lệ để lại, dự toán thu, chi còn căn cứ

số liệu thu, chi của năm trước liền kề.

(iv) Tỷ lệ để lại tối đa không quá 100%.

c) Căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí; trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất.

Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi: số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

b) Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

đ) Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc TTCP cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quyết định của TTCP. Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ, TTCP, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ, TTCP.

4. Trường hợp số tiền phí được để lại còn dư sau khi chi các khoản chi tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi, trích lập các quỹ và tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau

khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

So với nội dung quy định tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP quy định chi tiết Pháp lệnh phí và lệ phí thì nội dung thay đổi cơ bản như sau:

- Mở rộng phạm vi chi từ nguồn phí được để lại, do Luật NSNN và Luật phí và lệ phí quy định *tiền phí được để lại để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí* thay vì *chỉ trực tiếp phục vụ tổ chức thu* như tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP.

- Quy định rõ công thức xác định tỷ lệ để lại và trách nhiệm của tổ chức thu phí, cơ quan quản lý trong việc xây dựng, đề xuất mức tỷ lệ để lại.

- Quy định nguyên tắc để cơ quan có thẩm quyền quyết định mức tỷ lệ để lại áp dụng chung cho các khoản phí có tính chất tương tự nhau, nhằm giảm khối lượng công việc trong quá trình xây dựng văn bản quy định thu phí.

- Bổ sung nội dung chi khác tại khoản 3 nêu trên để đồng bộ với các Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của TTCP về cơ chế tài chính của các tổ chức thu phí.

6. Về tổ chức thực hiện (Điều 6)

Tại các Điều 14 và Điều 19 Luật phí và lệ phí đã quy định về trách nhiệm của Tổ chức thu phí, lệ phí và trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Để đảm bảo đồng bộ, khả thi trong quá trình thực hiện Luật phí và lệ phí, tại Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của Tổ chức thu phí, lệ phí; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong việc xây dựng, đề xuất mức thu phí, lệ phí.

Một số khoản phí, lệ phí mới được các Bộ, ngành đề xuất đưa vào Danh mục, năm 2016 chưa thực hiện ban hành Thông tư quy định mức thu. Thực tế, Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh từ năm 2001 đến nay vẫn còn một số khoản chưa quy định thu. Vì vậy, tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc: *Phí, lệ phí có tên trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí chỉ được phép thu khi có văn bản quy định mức thu.*

7. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 7)

Hiện nay, có một số văn bản quy định thu phí, lệ phí mà nội dung về mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, như: lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký xe (nộp 100% tiền lệ phí vào NSNN),... hoặc Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 quy định về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2016). Việc ban hành văn bản thay thế các văn bản này nếu có thì chỉ

thay thế căn cứ pháp lý. Như vậy, sẽ tăng thêm khối lượng công việc cho Bộ Tài chính, các Bộ và Chính phủ, lãng phí nguồn lực và không phù hợp với chủ trương cải cách hành chính.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định cần có những quy định chuyển tiếp về một số khoản phí được chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá theo hướng dẫn chiếu đến các quy định về quản lý giá để đảm bảo rõ hơn về các khoản phí chuyển sang giá, các Bộ, ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện. Hiện nay, Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết về giá.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định điều khoản chuyển tiếp (Điều 6 dự thảo Nghị định) như sau:

1. Các văn bản hiện hành quy định các khoản phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí thực hiện như sau:

a) Các nội dung quy định về đối tượng thu chịu phí, lệ phí; mức thu, miễn, giảm, kê khai phí, lệ phí; thu, nộp và tỷ lệ để lại phí được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế;

b) Lệ phí thu được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước;

c) Các nội dung về quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí và Nghị định này.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện quyết toán số thu từ phí, lệ phí năm 2016 theo quy định của Pháp lệnh phí và lệ phí và quy định pháp luật về quản lý thuế.

3. Các khoản phí trong Danh mục phí và lệ phí kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá theo Luật phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật về giá.

8. Về hiệu lực thi hành

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, theo hiệu lực của Luật phí và lệ phí.

III. Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Ngày 04/3/2016, Bộ Tài chính đã có công văn số 2887/BTC-CST gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 70 cơ quan, đơn vị. Cơ bản các ý kiến đều nhất trí với dự thảo Nghị định (22 ý kiến nhất trí hoàn toàn), một số ý kiến về nội dung dự thảo, Bộ Tài chính đã giải trình, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

Ngày 18/5/2016, Bộ Tài chính đã có công văn số 6728/BTC-CST gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định

Ngày 31/5/2016, Bộ Tư pháp đã có công văn số 146/BTP-PLDSKT có ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị định. Theo đó, Bộ Tư pháp nhất trí về: (i) Sự cần thiết ban hành văn bản; (ii) sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (iii) trình tự và thủ tục soạn thảo văn bản; và (iv) nội dung của dự thảo Nghị định. Ngoài ra, có thêm một số ý kiến, Bộ Tài chính đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IV. VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Bộ Tư pháp có ý kiến về điều khoản chuyển tiếp như sau: Điểm a, c khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: *"Các nội dung quy định về đối tượng thu phí, lệ phí; mức thu, miễn, giảm, kê khai phí, lệ phí; thu, nộp và tỷ lệ để lại phí được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế"* và *"Các nội dung về quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí và Nghị định này"*. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) quy định: *"Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành, văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực"*. Do đó, quy định nêu trên của dự thảo Nghị định là trái với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các Bộ, ngành ban hành khoảng 100 Thông tư thay thế hơn 180 Thông tư hiện hành. 63 địa phương phải ban hành văn bản thay thế các văn bản quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh; khối lượng văn bản cần thay thế rất lớn.

Triển khai thi hành Luật phí và lệ phí, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 10/5/2016 về triển khai thi hành Luật phí và lệ phí. Bộ Tài chính đã công văn số 1553/BTC-CST ngày 28/01/2016 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương rà soát và ban hành văn bản thay thế các văn bản quy định thu phí, lệ phí hiện hành, để kịp có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

Hiện nay, có hơn 10 văn bản quy phạm pháp luật (trong đó có 01 Nghị định) quy định thu phí, lệ phí mà nội dung về mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí vẫn còn phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí (ngoại trừ căn cứ pháp lý là Pháp lệnh phí và lệ phí sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017) như: lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký xe (nộp 100% tiền lệ phí vào NSNN),... hoặc Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 quy định về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2016). Việc ban hành văn bản thay thế các văn bản này (nếu có) thì chỉ thay thế căn cứ pháp lý. Trong khi đó, khi ban hành các văn bản thay thế vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật từ lập ban soạn thảo, tổ biên tập (đối với Nghị định), tổ chức soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến, tổ chức thẩm định đến tiếp thu thẩm định. Đặc biệt, đối với Nghị định còn phải

lập đề nghị xây dựng Nghị định theo quy định tại Điều 84 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, rồi mới được tổ chức soạn thảo văn bản. Các công việc này sẽ làm tăng thêm khối lượng công việc cho Bộ Tài chính, các Bộ và Chính phủ phải thực hiện, lãng phí nguồn nhân lực và vật lực, không phù hợp với chủ trương cải cách hành chính và chưa có tiền lệ soạn thảo văn bản tương tự.

Hơn nữa, trường hợp Luật không quy định chuyển tiếp nhưng văn bản ở cấp Chính phủ có điều khoản chuyển tiếp đã có tiền lệ như việc xử lý chuyển tiếp đối với các Nghị định quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính sau ngày luật có hiệu lực (Mục 3 Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 08/7/2013). Việc quy định các quy định chuyển tiếp tại Nghị định sẽ góp phần quan trọng đảm bảo cho hệ thống pháp luật được đồng bộ, tránh "khoảng trống" pháp lý tại các thời điểm chuyển giao giữa các văn bản Luật.

Không những vậy, chuyển tiếp đối với những quy định không trái với Luật phí và lệ phí là phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 hiện hành. Do tại thời điểm Bộ Tài chính soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định thì Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 không quy định "Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực".

Vì vậy, trình Chính phủ cho quy định như tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định.

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Tài liệu trình kèm gồm: Dự thảo Nghị định và các tài liệu khác theo quy định của Luật ban hành văn bản quy pháp pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (P5).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

Dự thảo lần 5

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; quyết toán phí, lệ phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Chương II
KÊ KHAI, THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 3. Kê khai, thu, nộp, quyết toán phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định cụ thể kỳ kê khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được như sau:

a) Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định pháp luật quản lý thuế.

b) Định kỳ hàng ngày; tuần hoặc tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào Tài khoản tiền phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước. Căn cứ số tiền phí thu được nhiều hay ít, nơi thu phí xa hay gần Kho bạc nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quy định định kỳ ngày; tuần hoặc tháng tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách.

Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại.

c) Tổ chức thu phí sử dụng đường bộ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, thu, nộp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Đồng tiền thu nộp phí, lệ phí

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Trường hợp quy định thu bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau:

(i) Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí;

(ii) Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp tại Kho bạc nhà nước thì áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm nộp phí, lệ phí do Bộ Tài chính công bố;

(iii) Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt hoặc theo hình thức khác cho tổ chức thu phí, lệ phí áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí hoặc cuối ngày làm việc liền trước ngày lễ, ngày nghỉ.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động là cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

Điều 5. Xác định tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí

1. Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại cho tổ chức thu phí quy định tại Điều 4 Nghị định này được xác định như sau:

a) Số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại.

b) Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Trong đó:

(i) Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

(i) Dự toán cả năm về phí thu được do tổ chức thu thực hiện được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

(iii)Trường hợp điều chỉnh mức tỷ lệ để lại, dự toán thu, chi còn căn cứ số liệu thu, chi của năm trước liền kề.

(iv) Tỷ lệ để lại tối đa không quá 100%.

c) Căn cứ tính chất, đặc điểm của các khoản phí và nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí lập dự toán thu, chi và tỷ lệ để lại tại Đề án thu phí; trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất.

Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

b) Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

đ) Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

3. Ngoài các nội dung chi tại khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng tiền phí được để lại để chi cho các nội dung khác thì thực hiện chi theo quyết định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cơ quan

nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.

4. Trường hợp số tiền phí được để lại còn dư sau khi chi các khoản chi tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi, trích lập các quỹ và tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

5. Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Các Bộ; cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện các trách nhiệm quy định theo quy định tại Luật phí và lệ phí. Đồng thời, thực hiện các quy định như sau:

1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

a) Xây dựng đề án thu phí, lệ phí; trình Bộ quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính), Sở quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh). Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu; không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí, Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính) theo quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở quản lý chuyên ngành (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) chủ trì xây dựng đề án.

b) Đề án thu phí gồm: phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu phí; miễn, giảm phí; dự toán thu, chi; tỷ lệ để lại; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí; hiệu quả thu phí.

c) Đề án thu lệ phí gồm: phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí; dự kiến mức thu và căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu lệ phí; miễn, giảm lệ phí; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp, hiệu quả thu lệ phí.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đề nghị của tổ chức thu phí, lệ phí thuộc quản lý ngành,

lĩnh vực quản lý; thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

b) Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu hoặc các cơ quan địa phương thực hiện thu (không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí), thì giao đơn vị chức năng xây dựng đề án trình Bộ thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí.

4. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí chỉ được thu khi có văn bản quy định mức thu.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các văn bản hiện hành quy định về phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí thực hiện như sau:

a) Các nội dung quy định về đối tượng thu chịu phí, lệ phí; mức thu, miễn, giảm, kê khai phí, lệ phí; thu, nộp và tỷ lệ để lại phí được tiếp tục thực hiện cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế;

b) Lệ phí thu được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước;

c) Các nội dung về quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí và Nghị định này.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện quyết toán số thu từ phí, lệ phí năm 2016 theo quy định của Pháp lệnh phí và lệ phí và quy định pháp luật về quản lý thuế.

3. Các khoản phí trong Danh mục phí và lệ phí kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá theo Luật phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật về giá.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, gồm:

a) Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002; Nghị định số 115/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung điểm 2, mục IV phần B danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006.

b) Nội dung quy định về phí, lệ phí tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn

chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc